

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh Dược tại Việt Nam.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho Dược – các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn phía Đông tỉnh Quảng Ngãi

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Khoảng từ tháng 10/2026 đến hết tháng 9/2028 (hoặc 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không.

Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản, sau khi hai bên nghiệm thu, bên bán cung cấp các chứng từ hợp lý, hợp lệ cho bên mua theo từng đơn hàng cung cấp. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ ngày bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lý, hợp lệ cho bên mua.

5. Nhà thầu ghi rõ trên bì thư báo giá: **“Báo giá thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương”**.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Tiến

PHỤ LỤC I. DANH MỤC THUỐC GENERIC ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày /7/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acetylsalicylat acid	4	81mg	Uống	Viên	Viên	2.479.344
2	Acetylsalicylic acid	1	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	289.600
3	Acid amin*	1	8% x 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.000
4	Aluminum phosphat	1	12,38g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Gói	211.525
5	Aluminum phosphat	4	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Gói	73.437
6	Aminophylin	1	4,8%, ống 5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	14.619
7	Adapalen	4	1%; 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1.452
8	Amlodipin + Valsartan + Hydrochlorothiazid	3	10mg + 160mg 12,5mg	Uống	Viên	Viên	47.900
9	Amoxicilin + Acid clavulanic	3	500mg + 125mg	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Gói	56.490
10	Azithromycin	3	125mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	36.215
11	Beclometason (dipropionat)	2	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt họng	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Lọ/Bình	100
12	Betamethason	1	4mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	4.120
13	Budesonid	1	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/Lọ/Ống/Bình	14.294
14	Budesonid+ Formoterol	2	400mcg + 12mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Chai/Lọ/Bình Xịt/Ống hít định liều	82

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
15	Captopril + Hydrochlorothiazid	2	25mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	300
16	Cefdinir	4	300mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	23.520
17	Cefixim	4	100mg	Uống	Viên	Viên	136.600
18	Cefoperazon	1	2g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	18.200
19	Cetirizin	3	1mg/1ml, 30ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai	4.800
20	Cloramphenicol	4	0,4%/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	2.077
21	Dexamethason	2	5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.460
22	Dexamethason	2	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	51.717
23	Dexamethason phosphat + neomycin	4	5ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt/Thuốc nhỏ mũi	Chai/Lọ	2.190
24	Diclofenac	2	75mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	9.344
25	Diclofenac	4	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	2.277
26	Digoxin	1	0,25mg	Uống	Viên	Viên	17.220
27	Eperison	1	50mg	Uống	Viên	Viên	702.793
28	Erythromycin	2	500mg	Uống	Viên	Viên	30.748
29	Etamsylat	4	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.552
30	Fenofibrat	4	50mg	Uống	Viên nang	Viên	34.600
31	Fenoterol + Ipratropium	1	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/Lọ/Ống/Bình	4.000
32	Fluconazol	1	100mg	Uống	Viên nang	Viên	20.050

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
33	Fluconazol	5	2mg/ml x 50ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi	470
34	Fluticasone propionat	5	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ/ Ống/Túi	1.747
35	Furosemid	1	100mg/10ml, ống 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống/Túi	13.030
36	Gabapentin	4	300mg	Uống	Viên	Viên	225.225
37	Gentamycin	4	160mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	51.100
38	Glycerol	4	5ml	Thụt hậu môn/ trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/ trực tràng	Tuýp	7.888
39	Ginkgo Biloba	1	40mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000
40	Ibuprofen	5	400mg	Uống	Viên nang	Viên	40.340
41	Immune globulin	5	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi	200
42	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Degludec)	5	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	4.450
43	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Detemir)	1	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	5.590
44	Isoniazid	1	300mg	Uống	Viên	Viên	9.000
45	Kali clorid	1	600mg	Uống	Viên	Viên	7.100
46	Kẽm gluconat	4	70mg/2g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	212.130
47	Lacidipin	4	4mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	1.000
48	Lamotrigine	2	100mg	Uống	Viên	Viên	44.000
49	Levocetirizin	4	0,5mg/ml; 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Ống	48.600
50	Lidocain + Epinephrin (adrenalin)	2	(2%+0.001%) 1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Túi	21.595

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
51	Lidocain hydroclodrid	1	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi	688
52	Lidocain hydroclodrid	1	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1.848
53	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	4	Calcium: 65mg; Vitamin B1: 1,5mg; Vitamin B2: 1,75mg; Vitamin B6: 3mg; Vitamin D3: 200IU; Vitamin E: 7,5IU; Vitamin PP: 10mg; Vitamin B5: 5mg; Lysin: 150mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	14.810
54	Lynestrenol	5	5mg	Uống	Viên	Viên	960
55	Macrogol + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	1	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói	960
56	Magnesi aspartat + Kali aspartat	4	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	403.000
57	Methotrexat	2	50mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	204
58	Methyl prednisolon	2	8mg	Uống	Viên	Viên	756.300
59	Miconazol	4	200mg	Đặt âm đạo	Viên	Viên	1.000
60	Miconazol	5	200mg	Đặt âm đạo	Viên	Viên	1.000
61	Mometason furoat	5	50mcg/liều xịt, 140 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ/Bình/Ống	760
62	Moxifloxacin + Dexamethason	1	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	5.384
63	Naloxon hydroclorid	1	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	117

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
64	Natri clorid + Natri bicarbonat + Kali clorid + Dextrose khan	4	0.35g + 0.25g + 0.15g + 2g	Uống	Viên	Viên	18.500
65	Natri montelukast	2	4mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	61.224
66	Natri montelukast	4	10mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	41.449
67	Nefopam hydroclorid	2	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	13.200
68	Neomycin (Sulfat)	4	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ	21.624
69	Netilmicin sulfat	4	100mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Ống	13.000
70	Norfloxacin	1	400mg	Uống	Viên	Viên	3.600
71	Ofloxacin	1	0.3%/3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	615
72	Olanzapin	2	20mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	200.000
73	Omeprazol	3	20mg	Uống	Viên	Viên	2.038.132
74	Papaverin	2	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.615
75	Pipecurionium bromid	1	4mg/2ml, lọ 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	33
76	Piracetam	4	1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	55.810
77	Pramipexol	3	0,26mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2.300
78	Prednisolon acetat (natri phosphate)	4	20mg	Uống	Viên	Viên	690
79	Prednisolon acetat (natri phosphate)	4	5mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	917.850
80	Prednisolon acetat (natri phosphate)	4	10mg (tương đương Prednisolon natri phosphat 13,44mg)	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	159.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
81	Phytomenadion (Vitamin K1)	2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	8.662
82	Ropivacain hydroclorid	2	5mg/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.040
83	Salbutamol sulfat	1	5mg	Đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống	124
84	Sắt gluconat + Mangan gluconat + Đồng gluconat	4	25mg Sắt +2.47mg Mangan + 0,14mg Đồng	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	2.009.533
85	Teicoplanin*	4	400mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	200
86	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	5	6%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	142
87	Than hoạt tính	5	400mg	uống	Viên	viên	16.545
88	Thioridazin	4	50mg	Uống	Viên	Viên	40.000
89	Valproat natri + Valproic acid	1	333mg + 145mg	Uống	Viên	Viên	88.000
90	Vitamin B1 + B6 + B12	2	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên nang	viên	252.300
91	Vitamin B1 + B6 + B12	5	125mg+ 125mg+ 125mcg	Uống	Viên nang	Viên	1.257.946
92	Vitamin B1 + B6 + B12	2	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên	65.800
93	Vitamin B1 + B6 + B12	2	(50mg + 50mg + 0,5mg)/ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ Ống/Túi	235.400
94	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hydroxo cobalamin)	4	1000mcg/ 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	200.490
95	Vitamin B6	4	250mg	Uống	Viên	Viên	70.954
96	Vitamin D3	4	1500UI/ml; 10ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	40.982
97	Vitamin H	4	5mg	Uống	Viên	Viên	400

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
	Tổng cộng: 97 mặt hàng						

**PHỤ LỤC II. DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU,
THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU,
THUỐC CỎ TRUYỀN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày /7/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm biếc	Nhóm 3	150mg; 100mg; 100mg	Uống	Viên nang	Viên	1.690.738
2	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	Nhóm 3	33,33mg; 1g; 0,34g; 0,25g; 0,17g	Uống	Viên nang	Viên	157.612
3	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mỡ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa)	Nhóm 3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ	4.933
4	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi	Nhóm 3	1500mg; 250mg; 200mg	Uống	Viên nang	Viên	301.000
5	Đinh lăng, Bạch quả	Nhóm 3	300mg; 100mg	Uống	Viên nang	Viên	3.514.015
6	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo	Nhóm 3	60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ	68.520
7	Gừng	Nhóm 3	3,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	86.850
8	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Câu tích, Thổ phục linh	Nhóm 4		Uống	Viên nang	Viên	174.250
9	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh	Nhóm 3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	15.300

STT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
10	Kim tiền thảo	Nhóm 3	300mg	Uống	Viên	Viên	1.308.950
11	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì)	Nhóm 3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	32.125
12	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	Nhóm 4		Uống	Viên	Viên	89.500
13	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa	Nhóm 3		Uống	Viên hoàn cứng	Viên	367.130
	Tổng cộng: 13 mặt hàng						

PHỤ LỤC III. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày /7/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bạch biển đậu	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Lablab</i>	Phơi khô	Kg	76
2	Bách hợp	Nhóm 2	Củ	<i>Bulbus Lilli</i>	Thái lát phơi khô	Kg	54
3	Bán hạ bắc	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Pinelliae</i>	Chế phèn chua gừng nước vo gạo	Kg	69
4	Can khương	Nhóm 3	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Thân, rễ phơi sấy khô của cây gừng	Kg	176
5	Cỏ ngọt	Nhóm 2	Lá	<i>Herba Steviae</i>	Phơi khô	Kg	24
6	Cốt toái bồ	Nhóm 3	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Làm sạch lông thái lát phơi khô	Kg	414
7	Chi tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Gardeniae</i>	Sao Khô	Kg	91
8	Đương quy (di thực)	Nhóm 1	Rễ	<i>Radix Angelicae acutilobae</i>	Phiến phơi sấy khô, chích rượu	Kg	386
9	Hạnh nhân	Nhóm 3	Hạt	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	Bỏ vỏ sao vàng	Kg	71
10	Hậu phác	Nhóm 2	Vỏ	<i>Cortex Maynoliae officinalis</i>	Phiến	Kg	56
11	Hậu phác	Nhóm 2	Vỏ	<i>Cortex Magnoliae officinali</i>	Phơi hoặc sấy khô, chích gừng	Kg	74
12	Kinh giới	Nhóm 3	Cành, lá, bông	<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>	Cành, lá, bông phiến phơi khô	Kg	78
13	Liên nhục	Nhóm 1	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Hạt, sấy khô sao vàng	Kg	183
14	Liên nhục	Nhóm 3	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Hạt, sấy khô sao vàng	Kg	428
15	Liên tâm	Nhóm 1	Mầm hạt	<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>	cây mầm trong hạt sen, phơi hoặc sấy khô	Kg	80
16	Long nhãn	Nhóm 3	Áo hạt	<i>Arillus Longan</i>	Sấy khô	Kg	270
17	Mạch nha	Nhóm 2	Quả chín	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	Phơi khô	Kg	249

STT	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng
18	Mẫu lệ	Nhóm 2	Vỏ hầu	<i>Concha Ostreae</i>	Nung	Kg	30
19	Mộc hương	Nhóm 3	Rễ	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Rễ phiến, phơi hoặc sấy khô	Kg	190
20	Mộc qua	Nhóm 3	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Quả phiến phơi, sấy khô	Kg	725
21	Ngũ vị tử	Nhóm 3	Quả khô còn hạt	<i>Fructus Schisandrae</i>	Quả khô còn hạt phơi sấy khô, tẩm giấm	Kg	63
22	Nguru bàng tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Arctii lappae</i>	Phơi khô	Kg	36
23	Nguru tất	Nhóm 1	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Rễ thái, phiến phơi sấy khô, chích rượu	Kg	866
24	Nhân sâm	Nhóm 3	Rễ	<i>Radix Ginseng</i>	Phiến	Kg	102
25	Phá cố chi (Bồ cốt chi)	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>	Phơi khô	Kg	138
26	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Nhóm 3	Rễ củ con	<i>Radix Aconiti lateralis praeparata</i>	Rễ củ con phiến đã chế biến	Kg	70
27	Tang ký sinh	Nhóm 2	Thân cành mang lá	<i>Herba Loranthi gracilifolii</i>	Sao qua	Kg	910
28	Tang ký sinh	Nhóm 3	Thân, cành lá và quả	<i>Herba Loranthi gracilifolii</i>	Cả thân, cành lá và quả phơi khô	Kg	1.847
29	Tế tân	Nhóm 3	Toàn cây	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Toàn cây phiến phơi, sấy khô	Kg	276
30	Thảo quyết minh	Nhóm 3	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	Hạt sao đen, cháy	Kg	200
31	Thiên ma	Nhóm 3	Thân rễ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Thân củ thái, phiến phơi sấy khô	Kg	256
32	Trần bì	Nhóm 3	Vỏ quả quýt chín	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao nóng vàng	Kg	417
33	Xa tiền tử	Nhóm 3	Hạt	<i>Semen Plantaginis</i>	Hạt phơi sấy khô, chích muối	Kg	80
34	Xích thược	Nhóm 3	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Rễ thái, phiến phơi sấy khô	Kg	782
35	Xuyên khung	Nhóm 1	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Thân, rễ, phơi sấy khô chích rượu	Kg	708
	Tổng cộng: 35 mặt hàng						

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại-email....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá thuốc

1.1 Thuốc theo tên Generic

S TT	STT yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc GPNK	Nơi sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Tổng cộng: ... mặt hàng													

1.2 Thuốc được liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền

S TT	STT yêu cầu báo giá	Tên thành phần của thuốc	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc GPNK	Nơi sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Tổng cộng: ... mặt hàng													

1.3 Vị thuốc cổ truyền

S TT	STT yêu cầu báo giá	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	SDK hoặc GPNK	Nơi sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Tổng cộng: ... mặt hàng													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của thuốc nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của Công ty¹
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

¹ Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.